

Số: 211/KL-TTr

Điện Biên, ngày 18 tháng 3 năm 2025

**KẾT LUẬN THANH TRA**  
**Công tác quản lý các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn**  
**huyện Nậm Pồ giai đoạn 2022-2024**

Thực hiện Quyết định số 147/QĐ-TTr ngày 23/12/2024 của Chánh Thanh tra tỉnh Điện Biên về việc thanh tra công tác quản lý các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn huyện Nậm Pồ giai đoạn 2022-2024. Đoàn Thanh tra đã tiến hành thanh tra tại UBND huyện Nậm Pồ và các đơn vị trực thuộc UBND huyện từ ngày 02/01/2025 đến ngày 07/3/2025.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra của Đoàn Thanh tra, Chánh Thanh tra tỉnh kết luận các nội dung thanh tra Công tác quản lý các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn huyện Nậm Pồ giai đoạn 2022-2024 như sau:

**I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG**

Nậm Pồ là huyện vùng cao biên giới, có diện tích tự nhiên 149.559,11ha; có đường biên giới Quốc gia dài 127,483km, có 01 cửa khẩu phụ và 01 lối mở. Địa giới hành chính phía Đông giáp huyện Mường Chà; phía Tây giáp huyện Mường Nhé và nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào; phía Nam giáp nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào; phía Bắc giáp huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu.

Trong những năm qua, huyện Nậm Pồ đã được Nhà nước quan tâm bố trí nguồn ngân sách đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ nhu cầu thiết yếu, dân sinh, sản xuất, do đó huyện đã có những bước tiến về phát triển kinh tế - xã hội, thông qua việc thực hiện các dự án đầu tư công đã góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, cho cán bộ công chức, viên chức và nhân dân trong khu vực và hiện đại hóa cơ sở hạ tầng.

Các dự án đầu tư được triển khai trên địa bàn huyện bao gồm trường học, nước sinh hoạt, nhà văn hoá... giúp nâng cao đời sống của nhân dân, nâng cao chất lượng học tập, giảng dạy của học sinh, giáo viên, cải thiện hạ tầng và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, góp phần quan trọng ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và sự phát triển bền vững của địa phương.

**II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH**

**1. Công tác quản lý về đầu tư xây dựng**

Hàng năm, bám sát chỉ đạo của Trung ương, tỉnh, Nghị quyết của Huyện ủy, HĐND huyện về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh và



dự toán ngân sách, ngay từ đầu năm UBND huyện đã ban hành Chương trình giải pháp chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh, Quyết định giao dự toán thu, chi ngân sách và Quyết định ban hành quy định về quản lý, điều hành ngân sách địa phương, theo đó xác định nhiệm vụ thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công là một trong những nhiệm vụ chính trị trọng tâm. UBND huyện đã quyết liệt chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị và các xã phải tập trung lãnh đạo chỉ đạo trong việc thực hiện giải ngân nguồn vốn đầu tư công, xác định việc hoàn thành nhiệm vụ giải ngân vốn đầu tư công là nhiệm vụ quan trọng trong ổn định tình hình an ninh trật tự, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Trên cơ sở kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025 và kế hoạch vốn đầu tư hằng năm của tỉnh, UBND huyện chủ động xây dựng Kế hoạch vốn của cấp huyện, trình HĐND huyện phê duyệt, điều chỉnh theo đúng quy định của Luật Đầu tư công.

UBND huyện đã ban hành nhiều văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai lập, thẩm định, quyết định đầu tư đối với các dự án thuộc thẩm quyền thực hiện các chương trình dự án đầu tư xây dựng; phân công nhiệm vụ quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện<sup>1</sup>. Đồng thời chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn, UBND các xã, các chủ đầu tư trên địa bàn huyện đôn đốc, chấn chỉnh thực hiện công tác đầu tư xây dựng, đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025; tăng cường công tác giám sát, kiểm tra nhằm nâng cao chất lượng công trình<sup>2</sup>. Đồng thời thường xuyên có các văn bản xin ý kiến các cơ quan có thẩm quyền để kịp thời chỉ đạo, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện các chương trình, dự án<sup>3</sup>.

<sup>1</sup> Quyết định 1301/QĐ-UBND ngày 22/7/2022 của UBND huyện về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, kế hoạch đầu tư năm 2022, thực hiện 03 chương trình MTQG (Chương trình Nông thôn mới, Chương trình giảm nghèo và bền vững, chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi) trên địa bàn huyện Nậm Pồ; Quyết định 1334/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của UBND huyện về việc giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư các dự án khởi công mới năm 2022 và các dự án dự kiến khởi công mới năm 2023 thuộc chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; Quyết định 1524/QĐ-UBND ngày 24/8/2022 của UBND huyện về việc phân công nhiệm vụ quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025, trên địa bàn huyện Nậm Pồ; Quyết định 721/QĐ-UBND ngày 09/5/2023 của UBND huyện về việc giao nhiệm vụ thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng do UBND huyện quyết định đầu tư.

<sup>2</sup> Văn bản số 46/UBND-TCKH ngày 06/01/2023 về đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân các chương trình dự án năm 2022 và triển khai thực hiện các chương trình, dự án khởi công năm 2023; Công văn số 232/UBND-TCKH ngày 19/01/2024 đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân các chương trình dự án năm 2023 và triển khai thực hiện các chương trình, dự án khởi công năm 2024; Văn bản số 59/UBND-TCKH ngày 08/01/2025 quyết liệt thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công còn lại của năm 2024.

<sup>3</sup> Báo cáo 3251/BC-UBND 16/10/2024 của UBND huyện báo cáo giám sát, đánh giá thực hiện dự án phương án sắp xếp, ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh nhóm dân cư khu vực Chăn Nuôi xã Nà Khoa huyện Nậm Pồ; Tờ trình 3292 /TTr-UBND 18/10/2024 của UBND huyện về việc dừng thực hiện Phương án sắp xếp, ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh nhóm dân cư khu vực Chăn Nuôi, xã Nà Khoa, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên; Báo cáo 3651/BC-UBND 14/11/2024 của UBND huyện báo cáo tình hình triển khai các dự án Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng



Tuy nhiên quá trình thực hiện vẫn còn một số tồn tại như sau:

- UBND huyện giao UBND cấp xã làm chủ đầu tư 08 dự án nhà văn hoá thôn bản là không đúng quy định về phân cấp quản lý thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia tại khoản 2, Điều 10 Quyết định số 20/2022/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 của UBND tỉnh Điện Biên (Các dự án này không thực hiện cơ chế đặc thù do vậy phải giao cơ quan trực thuộc UBND cấp huyện làm chủ đầu tư). Trong quá trình triển khai thực hiện UBND huyện đã báo cáo và được UBND tỉnh chấp thuận tại Văn bản số 5407/UBND-KTN ngày 28/11/2024.

- UBND xã Chà Nưa ký hợp đồng Quản lý điều hành dự án và tư vấn giám sát với cùng một đơn vị tư vấn không đảm bảo quy định tại Khoản 1, Điều 66 Luật Xây dựng 2014<sup>4</sup>.

## **2. Kết quả thực hiện đầu tư đến thời điểm thanh tra**

Thanh tra tỉnh đã tiến hành thanh tra đối với 54 dự án do UBND huyện và các đơn vị trực thuộc UBND huyện làm Chủ đầu tư: 27 dự án đầu tư xây dựng do UBND huyện làm chủ đầu tư (giao cho Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện thực hiện quản lý dự án); 12 dự án Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện được giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư và thực hiện nhiệm vụ quản lý điều hành dự án do UBND các xã làm chủ đầu tư; 15 dự án do UBND các xã Chà Nưa, Nà Búng, Na Co Sa, Nậm Chua, Nậm Khăn, Nậm Nhừ, Si Pha Phìn, Vàng Đán được giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư. Các dự án được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách địa phương; Chương trình MTQG xây dựng NTM; Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi; nguồn vốn Đề án 79; Nguồn thu sử dụng đất năm 2024; nguồn vốn ngân sách huyện.

Tổng mức đầu tư 54 dự án đầu tư xây dựng: 171.879.000.000 đồng.

- Giá trị nghiệm thu đến thời điểm thanh tra: 108.473.728.900 đồng.

- Giá trị đã thanh toán, tạm ứng đến thời điểm thanh tra: 111.812.469.400 đồng.

- Tại thời điểm thanh tra có 33 công trình đã thi công hoàn thành, 02 công trình đã tạm dừng thi công do vướng mắc trong công tác đền bù giải phóng mặt bằng<sup>5</sup>; 19 công trình đang trong giai đoạn thi công .

*(Số liệu chi tiết các dự án có phụ biểu 01 kèm theo)*

## **3. Đánh giá việc chấp hành các quy định về trình tự thủ tục, quản lý**

bào dân tộc thiểu số miền núi do UBND huyện Nậm Pồ giao cho UBND các xã làm chủ đầu tư, không áp dụng cơ chế đặc thù.

<sup>4</sup> Dự án đường bê tông nội bản Pa Có xã Chà Nưa do UBND xã Chà Nưa làm Chủ đầu tư, UBND huyện quyết định đầu tư.

<sup>5</sup> Đường vào bản Chăn Nuôi , xã Nà Khoa, huyện Nậm Pồ; Nhà lớp học bản Chăn Nuôi , xã Nà Khoa, huyện Nậm Pồ.



## **thực hiện đầu tư xây dựng**

### **3.1. Những mặt làm được**

Công tác chuẩn bị đầu tư: Chủ đầu tư đã chỉ đạo các đơn vị liên quan tiến hành lập, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, trình các cơ quan chức năng thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, bám sát trình tự, thủ tục theo quy định. Các dự án đầu tư được phê duyệt đã xác định rõ mục tiêu, quy mô, loại, cấp công trình, địa điểm xây dựng, nguồn vốn thực hiện, tiến độ thực hiện, hình thức quản lý dự án.

Quá trình triển khai dự án Chủ đầu tư tiến hành phê duyệt đề cương, nhiệm vụ khảo sát, thiết kế, phê duyệt Báo cáo KTKT, ký kết các hợp đồng tư vấn khảo sát lập dự án, tư vấn thẩm tra, tư vấn giám sát, hợp đồng xây lắp... với các đơn vị có đủ tư cách pháp nhân để triển khai thực hiện dự án. Trong quá trình triển khai thực hiện dự án UBND huyện đã thường xuyên có các văn bản xin ý kiến các cơ quan có thẩm quyền để kịp thời chỉ đạo, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc để triển khai, tổ chức thực hiện các chương trình, dự án theo quy định.

Qua kiểm tra 54 dự án đầu tư xây dựng có 54 gói thầu xây lắp thực hiện hình thức đấu thầu rộng rãi qua mạng các gói thầu đã được công khai kế hoạch lựa chọn nhà thầu, kết quả trúng thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia đảm bảo đúng quy định.

Công tác nghiệm thu khối lượng hoàn thành đã được Chủ đầu tư, tư vấn giám sát, nhà thầu thi công tiến hành nghiệm thu xác nhận khối lượng thi công xây lắp tại hiện trường; lập nhật ký thi công, nhật ký giám sát, hồ sơ quản lý chất lượng công trình, làm cơ sở cho việc quản lý tiến độ đầu tư và thanh quyết toán công trình.

Qua kiểm tra xác minh thực tế 21/54 công trình tại hiện trường cho thấy các công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng đã phát huy hiệu quả đầu tư.

### **3.2. Những mặt còn tồn tại, hạn chế**

Qua thanh tra cho thấy còn một số tồn tại, hạn chế trong công tác thực hiện đầu tư tại các dự án như sau:

#### **3.2.1. Đối với công tác khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật**

Đơn vị Chủ đầu tư không có thông báo chấp thuận nghiệm thu báo cáo khảo sát xây dựng tại 14 dự án theo quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ<sup>6</sup>.

<sup>6</sup> Đường vào bản Chăn Nuôi, xã Nà Khoa; Đầu tư xây dựng đường giao thông; hệ thống các hạng mục phụ trợ thuộc tuyến đường quy hoạch 32m (Đoạn từ km 32+900 đến km 33+550) trung tâm huyện Nậm Pồ; Sửa chữa thủy nông bản Cầu, bản Nà Ấn 1, 2 xã Chà Nưa; Xây dựng hệ thống cung cấp nước sạch cho khu vực Đoàn 379 và các hộ trên địa bàn đóng quân; Nước sinh hoạt bản Pắc A 2, xã Na Cô Sa; Nước sinh hoạt bản Nộc Cốc, xã Vàng Đán; Sửa chữa nước sinh hoạt bản Nà Pầu, xã Chà Tở; Nước sinh hoạt bản Nậm chua 3 xã Nà Khoa, xã Nà



Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng của 16 dự án chưa đầy đủ thông tin, nội dung theo quy định tại Mẫu số 02a, Nghị định 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ như: Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính thuộc dự án; kết quả thẩm định không đầy đủ nội dung theo mẫu<sup>7</sup>.

Quyết định phê duyệt Báo cáo KTKT tại 28 dự án chưa đầy đủ nội dung theo quy định tại Mẫu số 03, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 và Mẫu số 03a, Nghị định 35/2023/NĐ-CP 20/6/2023 của Chính phủ<sup>8</sup>.

### 3.2.2. Đối với công tác đấu thầu, lựa chọn nhà thầu

- Không thực hiện trình, thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu trước khi phê duyệt, đối với các gói thầu lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư, theo quy định tại Điều 6, Thông tư 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Báo cáo thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu tại 29 dự án<sup>9</sup> chưa đầy đủ nội dung theo quy định tại Mẫu số 2, Thông tư 10/2015/TT-BKHĐT ngày

Khoa (nay là Nậm Nhừ); Cung cấp nước trụ sở UBND xã, trạm xá, trường Mầm non, xã Pa Tần; Trường PTDTBT TH Tân Phong (nay là trường PTDTBT TH Si Pa Phìn), Pa Tần; Trường PTDTBT TH Phìn Hồ; Nhà lớp học bản Chăn Nuôi, xã Nà Khoa; Trường PTDTBT TH Na Cô Sa; Đường bê tông nội bản Pa Có, xã Chà Nưa.

<sup>7</sup> Sửa chữa thủy nông bản Cầu, bản Nà Ín 1, 2 xã Chà Nưa; Sửa chữa nước sinh hoạt bản Nà Pầu, xã Chà Tở; Trường PTDTBT TH Tân Phong (nay là trường PTDTBT TH Si Pa Phìn), Pa Tần; Sửa chữa trường PTDTBT TH Pa Tần; Trường PTDTBT TH Phìn Hồ; Trường PTDTBT TH Na Cô Sa; Sửa chữa trường trung học cơ sở Chà Nưa; Sửa chữa trường phổ thông dân tộc bán trú tiểu học Chà Nưa; Trường PTDTBT TH Nậm Nhừ; Sửa chữa trường phổ thông dân tộc bán trú trung học cơ sở Nà Khoa; Đường bê tông nội bản Pa Có, xã Chà Nưa; Nhà văn hoá bản Nà Ín, Nậm Đích, xã Chà Nưa; Nhà văn hóa bản Nậm Tất 1, bản Trên Nương, xã Nà Búng; Nhà văn hóa bản Ngải Thầu 1,2, xã Nà Búng; Nhà văn hóa bản Huổi Đạo, xã Vàng Đán; Nhà văn hóa bản Vàng Đán, Nộc Cốc 2, xã Vàng Đán.

<sup>8</sup> Đầu tư xây dựng đường giao thông; hệ thống các hạng mục phụ trợ thuộc tuyến đường quy hoạch 32m (Đoạn từ km 32+900 đến km 33+550) trung tâm huyện Nậm Pồ; Sửa chữa thủy nông bản Cầu, bản Nà Ín 1, 2 xã Chà Nưa; Sửa chữa nước sinh hoạt bản Nà Pầu, xã Chà Tở; Trường PTDTBT TH Tân Phong (nay là trường PTDTBT TH Si Pa Phìn), Pa Tần; Sửa chữa trường PTDTBT TH Pa Tần; Trường PTDTBT TH Phìn Hồ; Nhà lớp học bản Huổi Tang, xã Nậm Tin; Trường PTDTBT TH Na Cô Sa; Sửa chữa trường trung học cơ sở Chà Nưa; Sửa chữa trường phổ thông dân tộc bán trú tiểu học Chà Nưa; Trường PTDTBT TH Nậm Nhừ; Sửa chữa trường phổ thông dân tộc bán trú trung học cơ sở Nà Khoa; Sửa chữa Trung tâm Văn hoá - Truyền thanh - Truyền hình huyện; Đường bê tông nội bản Pa Có, xã Chà Nưa; Nhà văn hoá bản Nà Ín, Nậm Đích, xã Chà Nưa; Nhà văn hóa bản Nậm Tất 1, bản Trên Nương, xã Nà Búng; Nhà văn hóa bản Nà Búng 2,3 xã Nà Búng; Nhà văn hóa bản Ngải Thầu 1,2, xã Nà Búng; Nhà văn hóa bản Huổi Đạo, xã Vàng Đán; Nhà văn hóa bản Vàng Đán, Nộc Cốc 2, xã Vàng Đán; Nhà văn hóa bản Phi Linh 1.2 xã Si Pa Phìn; Nhà văn hóa bản Pú Đạo, Chế Nhù, xã Si Pa Phìn; Nhà văn hóa bản Nậm Nhừ 3, Huổi Lụ 3, xã Nậm Nhừ; Nhà văn hóa Bản Nậm Chua 1,3, xã Nậm Nhừ; Nhà văn hóa bản Nậm Khăn, Nậm Pang xã Nậm Khăn; Nhà văn hóa bản Huổi Vàng, Huổi Lóong, xã Nậm Khăn; Nhà văn hóa bản Nậm Chua 2, Nậm Ngà 1, Nậm Chua 5, xã Nậm Chua; Nhà văn hóa bản Na Cô Sa 1, 2, Pắc A2 xã Na Cô Sa.

<sup>9</sup> Đầu tư xây dựng đường giao thông; hệ thống các hạng mục phụ trợ thuộc tuyến đường quy hoạch 32m (Đoạn từ km 32+900 đến km 33+550) trung tâm huyện Nậm Pồ; Sửa chữa nước sinh hoạt bản Nà Pầu, xã Chà Tở; Xây dựng hệ thống cung cấp nước sạch cho khu vực Đoàn 379 và các hộ trên địa bàn đóng quân; Sửa chữa thủy nông bản Cầu, bản Nà Ín 1, 2 xã Chà Nưa; Trường PTDTBT TH Tân Phong (nay là trường PTDTBT TH Si Pa Phìn), Pa Tần; Sửa chữa trường PTDTBT TH Pa Tần; Trường PTDTBT TH Phìn Hồ; Nhà lớp học bản Huổi Tang, xã Nậm Tin; Trường PTDTBT TH Na Cô Sa; Sửa chữa trường trung học cơ sở Chà Nưa; Sửa chữa trường phổ thông dân tộc bán trú tiểu học Chà Nưa; Trường PTDTBT TH Nậm Nhừ; Sửa chữa trường phổ thông dân tộc bán trú trung học cơ sở Nà Khoa; Sửa chữa Trung tâm Văn hoá - Truyền thanh - Truyền hình huyện; Đường bê tông nội bản Pa Có, xã Chà Nưa; Nhà văn hoá bản Nà Ín, Nậm Đích, xã Chà Nưa; Nhà văn hóa bản Nậm Tất 1, bản Trên Nương, xã Nà Búng; Nhà văn hóa bản Nà Búng 2,3 xã Nà Búng; Nhà văn hóa bản Ngải Thầu 1,2, xã Nà Búng; Nhà văn hóa bản Huổi Đạo, xã Vàng Đán; Nhà văn hóa bản Vàng Đán, Nộc Cốc 2, xã Vàng Đán; Nhà văn



26/10/2015 và Mẫu số 2B, Thông tư 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Yêu cầu về nhân sự chủ chốt là Cán bộ phụ trách kỹ thuật thi công, trong Hồ sơ mời thầu là không đúng quy định tại điểm b, Khoản 1 điều 30 Thông tư 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/5/2022; điểm đ, Khoản 3, Phụ lục 8 Thông tư 01/2024 ngày 15/02/2024 và điểm đ, Khoản 3 Phụ lục 8, Thông tư 06/2024/BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Báo cáo thẩm định Kết quả lựa chọn nhà thầu chưa đảm bảo đầy đủ nội dung theo Mẫu 05 Thông tư 19/2015/TT-BKHĐT ngày 27/11/2015 và Mẫu 3C, Thông tư 07/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu chưa đảm bảo đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 33, Thông tư 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/5/2022 và Phụ lục 3B Thông tư 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

### **3.2.3. Công tác giám sát thi công, nghiệm thu, thanh toán**

- Báo cáo hoàn thành công tác giám sát thi công xây dựng tại 06 dự án<sup>10</sup> không có chữ ký của giám sát trưởng theo quy định tại Phụ lục IVB, Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ.

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng không có chữ ký của Chỉ huy trưởng công trình theo quy định tại khoản 7, Điều 23, Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ (Công trình Nhà lớp học Nậm Hải, xã Chà Cang).

- Thông báo khởi công xây dựng chưa đầy đủ nội dung (không nêu tên nhà thầu quản lý dự án) theo mẫu Phụ lục V, Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ.

- Tại thời điểm kiểm tra thực tế 11 dự án chưa thi công hoàn thành theo hợp đồng đã ký kết với chủ đầu tư, đã hết thời gian thực hiện hợp đồng<sup>11</sup>. Theo báo cáo của đơn vị, đến nay các dự án đã hoàn thành việc thi công.

---

hoá bản Phi Lĩnh 1.2 xã Si Pa Phìn; Nhà văn hoá bản Pú Dao, Ché Nhù, xã Si Pa Phìn; Nhà văn hóa bản Nậm Nhừ 3, Huổi Lự 3, xã Nậm Nhừ; Nhà văn hóa Bản Nậm Chua 1,3, xã Nậm Nhừ; Nhà văn hóa bản Nậm Khăn, Nậm Pang xã Nậm Khăn; Nhà văn hóa bản Huổi Văng, Huổi Lòong, xã Nậm Khăn; Nhà văn hóa bản Nậm Chua 2, Nậm Ngà 1, Nậm Chua 5, xã Nậm Chua; Nhà văn hóa bản Na Cô Sa 1, 2, Pắc A2 xã Na Cô Sa.

<sup>10</sup> Nước sinh hoạt bản Pắc A 2, xã Na Cô Sa; Nước sinh hoạt bản Nộc Cốc, xã Vàng Đán; Nhà lớp học bản Huổi Hâu, xã Nà Khoa; Nhà lớp học bản Nậm Tắt 2, xã Nà Bùng; Nhà lớp học bản Trên Nương, xã Nà Bùng; Nhà lớp học bản Ngải Thầu 2, xã Nà Bùng.

<sup>11</sup> Nhà lớp học Pắc A 2, xã Na Cô Sa; Nhà lớp học Huổi Thùng 2, xã Na Cô Sa; Nhà lớp học Na Cô Sa 1, xã Na Cô Sa; Nhà lớp học bản Vàng Đán, xã Vàng Đán; Nhà lớp học Huổi Tang, xã Nậm Tin; Sửa chữa nước sinh hoạt bản Nà Pẩu, xã Chà Tở; Nhà văn hóa bản Na Cô Sa 1, 2, Pắc A2 xã Na Cô Sa; Đường bê tông nội bản Pa Có, xã Chà Nưa; Nhà văn hoá bản Nà Ín, Nậm Đích, xã Chà Nưa; Nhà văn hóa bản Nậm Khăn, Nậm Pang xã Nậm Khăn; Nhà văn hóa bản Huổi Văng, Huổi Lòong, xã Nậm Khăn.



- Công tác lập dự toán, thẩm tra, thẩm định, phê duyệt dự toán, nghiệm thu thanh toán tại 34 dự án thiếu chính xác; quá trình nghiệm thu thanh toán chưa phát hiện để khắc phục. Qua thanh tra phát hiện sai phạm với giá trị: 483.798.133 đồng; Nghiệm thu thanh toán sai đơn giá mẫu thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu tính nén lún trong điều kiện không nở hông nén nhanh tại 03 dự án với giá trị sai phạm: 23.766.000 đồng.

*(Số liệu sai phạm chi tiết có phụ biểu 02 kèm theo)*

- Công tác quyết toán dự án hoàn thành: Có 12 dự án đầu tư xây dựng chậm quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo quy định tại Nghị định 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ<sup>12</sup>.

#### **4. Việc thực hiện nguồn vốn đầu tư**

Căn cứ Nghị quyết của HĐND tỉnh, Quyết định của UBND tỉnh, Nghị quyết của HĐND huyện về việc thông qua kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 thực hiện 3 chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh. UBND huyện đã ban hành Quyết định số 1301/QĐ-UBND ngày 22/7/2022 về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, kế hoạch đầu tư năm 2022, thực hiện 03 chương trình MTQG (Chương trình Nông thôn mới, Chương trình giảm nghèo và bền vững, chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi) trên địa bàn huyện Nậm Pồ để kịp thời phân bổ vốn thực hiện cho các chương trình dự án đầu tư do cấp huyện quản lý theo quy định.

Tuy nhiên vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như sau:

- Việc bố trí vốn cho các dự án thuộc thẩm quyền phân bổ vốn của cấp huyện quản lý chưa phù hợp với Kế hoạch vốn đã được phê duyệt<sup>13</sup>.

- Tiến độ giải ngân, thanh toán vốn đầu tư các dự án đầu tư xây dựng theo kế hoạch vốn được giao tại một số dự án còn chậm chưa đạt 95-100% theo yêu cầu của UBND huyện, đến nay đạt 86,38% *(Số liệu chi tiết kèm theo Phụ biểu số 02 kèm theo)*.

### **III. KẾT LUẬN NỘI DUNG THANH TRA**

<sup>12</sup> Đường bê tông nội bản Pa Có, xã Chà Nưa; Nhà văn hoá bản Pú Dao, Ché Nhù, xã Si Pa Phin; Nhà văn hóa bản Nậm Tất 1, bản Trên Nương, xã Nà Búng; Nhà lớp học bản Huổi Hâu, xã Nà Khoa, huyện Nậm Pồ; Trường Tiểu học Na Cô Sa, xã Na Cô Sa, huyện Nậm Pồ; Nhà lớp học bản Trên Nương, xã Nà Búng, huyện Nậm Pồ; Nhà lớp học bản Nậm Tất 2, xã Nà Búng, huyện Nậm Pồ; Nhà lớp học bản Ngải Thầu 2, xã Nà Búng, huyện Nậm Pồ; Nhà lớp học Nậm Hải, xã Chà Cang, huyện Nậm Pồ; Nhà lớp học Huổi Chá, xã Chà Cang, huyện Nậm Pồ; Nhà lớp học Hồ Hải, xã Chà Cang, huyện Nậm Pồ; Nhà lớp học Vàng Léch, xã Nậm Tin, huyện Nậm Pồ.

<sup>13</sup> Quyết định 1301/QĐ-UBND ngày 22/7/2022 của UBND huyện về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, kế hoạch đầu tư năm 2022, thực hiện 03 chương trình MTQG (Chương trình Nông thôn mới, Chương trình giảm nghèo và bền vững, chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi) trên địa bàn huyện Nậm Pồ.



## **1. Những mặt làm được**

Công tác quản lý đầu tư xây dựng đã được UBND huyện, các đơn vị chủ đầu tư cơ bản quan tâm, chỉ đạo kiểm tra giám sát; Quá trình tổ chức triển khai thực hiện các dự án đã cơ bản bám sát theo quy định của Nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng.

Các công trình xây dựng hoàn thành được đưa vào sử dụng kịp thời đã đáp ứng được mục tiêu đầu tư, yêu cầu của dự án và phát huy được hiệu quả sau đầu tư.

Công tác giải ngân, thanh toán vốn của dự án đối với các dự án được thực hiện cơ bản kịp thời.

## **2. Những tồn tại, hạn chế**

Công tác quản lý về đầu tư xây dựng còn một tồn tại, hạn chế như giao nhiệm vụ chủ đầu tư tại một số án chưa đảm bảo quy định; công tác khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, Công tác lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; Công tác giám sát thi công, nghiệm thu, thanh toán một số nội dung thực hiện chưa đảm bảo đúng theo quy định.

Công tác lập dự toán, thẩm tra, thẩm định, phê duyệt dự toán tại một số công trình thiếu chính xác; quá trình giám sát thi công và nghiệm thu thanh toán chưa phát hiện để khắc phục.

Việc quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành không đảm bảo thời gian theo quy định tại Nghị định 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ.

Việc bố trí vốn cho các dự án chưa phù hợp; tiến độ giải ngân, thanh toán vốn đầu tư chưa đạt yêu cầu.

## **3. Nguyên nhân**

Qua thanh tra, xem xét việc thực hiện các quy định của pháp luật về công tác quản lý, đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn huyện Nậm Pồ do các đơn vị, phòng, ban trực thuộc UBND huyện làm Chủ đầu tư, quản lý dự án, những tồn tại, hạn chế nêu trên xuất phát từ những nguyên nhân chủ yếu sau:

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát của Lãnh đạo UBND huyện qua các giai đoạn chưa được sâu sát, thường xuyên, dẫn tới chưa kịp thời phát hiện, chỉ đạo chấn chỉnh, khắc phục các tồn tại, hạn chế nêu trên.

- Thủ trưởng một số phòng, ban, UBND xã chưa làm tròn trách nhiệm, tham mưu chưa đầy đủ, kịp thời đối với từng lĩnh vực, nhiệm vụ được giao dẫn đến chưa kịp thời phát hiện các tồn tại, hạn chế để chấn chỉnh khắc phục; các cán bộ tham mưu, giúp việc của Chủ đầu tư chưa kiểm tra, kiểm soát đúng các quy định về trình tự, thủ tục trước khi trình phê duyệt.



- Một số nhà thầu tư vấn được lựa chọn chưa thực hiện hết trách nhiệm theo hợp đồng đã ký với Chủ đầu tư, thực hiện một số nội dung công việc không đảm bảo theo quy định, thiếu chính xác, làm ảnh hưởng đến công tác quản lý đầu tư. Một số nhà thầu xây lắp chưa thực hiện hết trách nhiệm theo hợp đồng đã ký với Chủ đầu tư, để xảy ra các sai phạm như đã nêu ở trên.

#### **4. Trách nhiệm**

Những tồn tại, hạn chế qua thanh tra công tác quản lý đầu tư xây dựng thuộc trách nhiệm của Chủ tịch UBND huyện qua các giai đoạn với vai trò là người đứng đầu. Trưởng các phòng có liên quan, Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất, Chủ tịch UBND các xã và các cá nhân thuộc các đơn vị Chủ đầu tư được giao nhiệm vụ cụ thể ở từng dự án. *(Chi tiết có phụ biểu số 03 kèm theo).*

Các nhà thầu tư vấn khảo sát, thiết kế, lập dự án, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, thẩm tra, giám sát, tư vấn xét thầu, phải chịu trách nhiệm trực tiếp theo các quy định của nhà nước và các cam kết trong hợp đồng đã ký với Chủ đầu tư đối với các sai phạm nêu trên. Các Nhà thầu xây lắp phải chịu trách nhiệm trực tiếp về các giá trị nghiệm thu thanh toán sai thực tế thi công.

### **IV. CÁC BIỆN PHÁP ĐÃ XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN**

Trong quá trình thanh tra, các đơn vị chủ đầu tư đã nộp số tiền là **147.455.712 đồng** nộp tài khoản tạm giữ của Thanh tra tỉnh Điện Biên số tài khoản: 3949.0.1031985.00000 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Điện Biên.

### **V. KIẾN NGHỊ QUA THANH TRA**

#### **1. Kiến nghị xử lý về kinh tế**

Thu hồi nộp ngân sách nhà nước số tiền: 461.360.664 đồng nộp vào Tài khoản tạm giữ của Thanh tra tỉnh số: 3949.0.1031985.00000 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Điện Biên.

Giảm trừ qua nghiệm thu, thanh quyết toán số tiền: 46.201.467 đồng.

#### **2. Kiến nghị xử lý về trách nhiệm**

Căn cứ các quy định, trách nhiệm và những hạn chế, khuyết điểm, tồn tại qua thanh tra, Chủ tịch UBND huyện Nậm Pồ tổ chức họp kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm đối với các tập thể, cá nhân có liên quan đến hạn chế, khuyết điểm, tồn tại trên để kịp thời chấn chỉnh, khắc phục các hạn chế, khuyết điểm theo quy định, đồng thời lãnh đạo, chỉ đạo khắc phục những hạn chế, khuyết điểm, tồn tại được nêu trong kết luận thanh tra. Thời hạn thực hiện xong gửi về UBND tỉnh, Thanh tra tỉnh trước **ngày 30/4/2025**.

#### **3. Kiến nghị về công tác quản lý đối với UBND huyện**



Tăng cường phổ biến, tuyên truyền, quán triệt các quy định của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật số 62/2020/QH14; Luật Đấu thầu năm 2023; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng và các văn bản có liên quan.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai, thực hiện các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn; lựa chọn các đơn vị tư vấn khảo sát, thiết kế lập dự án, tư vấn thẩm tra, giám sát, quản lý dự án, thi công đủ điều kiện về năng lực, kinh nghiệm, nguồn lực tài chính thực hiện dự án, gói thầu, đảm bảo chất lượng, tiến độ yêu cầu của dự án, hạn chế các tồn tại sai sót ngay trên hồ sơ dự toán công trình; hạn chế việc điều chỉnh, bổ sung nhiều lần trong thiết kế, dự toán công trình, hạng mục công trình. Đồng thời kịp thời phát hiện và uốn nắn, chấn chỉnh những sai phạm, thực hiện đầy đủ các nội dung về trình tự, thủ tục quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật.

Tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công, 03 Chương trình mục tiêu quốc gia theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Chỉ thị số 735/CT-UBND ngày 27/02/2025 về đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2025, trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Chỉ đạo các chủ đầu tư, đơn vị quản lý dự án khẩn trương lập hồ sơ và quyết toán đối với các dự án đã hoàn thành theo quy định tại Nghị định 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

Trên đây là Kết luận thanh tra Công tác quản lý các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn huyện Nậm Pồ giai đoạn 2022-2024./.

**Nơi nhận:**

- Thanh tra Chính phủ (B/c);
- UBND tỉnh (B/c);
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- UBKT Tỉnh ủy;
- Lãnh đạo Thanh tra tỉnh;
- UBND huyện Nậm Pồ;
- Ban QLDA và PTQĐ huyện Nậm Pồ;
- UBND các xã: Chà Nưa, Nà Bùng, Na Co Sa, Nậm Chua, Nậm Khăn, Nậm Nhữ, Si Pha Phìn, Vàng Đán;
- Phòng Nghiệp vụ I; IV;
- Cổng thông tin điện tử Thanh tra tỉnh;
- Lưu: VT, HSTT.

**CHÁNH THANH TRA**



**Vùi Văn Nguyễn**





**PHỤ BIỂU SỐ 01**  
**TỔNG HỢP CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THANH TRA TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN NÂM PÔ GIAI ĐOẠN 2022-2024**  
(Kèm theo Kết luận thanh tra số 211/KL-TTtr ngày 18/3/2025 của Thanh tra tỉnh Điện Biên)

ĐVT: Đồng

| TT | Dự án, công trình đầu tư xây dựng                                                                      | Tổng mức đầu tư | Giá trị thanh toán/tạm ứng | Lũy kế vốn    |      |               | Lũy kế khối lượng | Lũy kế giải ngân |               |               |               | Tiến độ thực hiện   |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------|---------------|------|---------------|-------------------|------------------|---------------|---------------|---------------|---------------------|
|    |                                                                                                        |                 |                            | Tổng          | 2022 | 2023          |                   | 2024             | Tổng          | 2022          | 2023          |                     |
| A  | UBND huyện làm Chủ đầu tư                                                                              |                 |                            |               |      |               |                   |                  |               |               |               |                     |
| I  | Nguồn vốn ngân sách địa phương                                                                         |                 |                            |               |      |               |                   |                  |               |               |               |                     |
| 1  | Xây dựng hệ thống cung cấp nước sạch cho khu vực Đoàn bộ Đoàn 379 và các hộ dân trên địa bàn đóng quân | 10.500.000.000  | 6.000.000.000              | 6.000.000.000 |      | 1.000.000.000 | 5.000.000.000     | 6.000.000.000    | 6.000.000.000 | 1.000.000.000 | 5.000.000.000 | Đang thi công       |
| II | Đề án 79                                                                                               |                 |                            |               |      |               |                   |                  |               |               |               |                     |
| 2  | Đường vào bản Chân Nuôi, xã Nà Khoa, huyện Nậm Pồ                                                      | 1.600.000.000   | 390.304.000                | 606.000.000   |      | 500.000.000   | 106.000.000       | 304.000          | 390.304.000   | 390.000.000   | 304.000       | Không đầu tư        |
| 3  | Công trình NSH bán Pắc A 2, xã Na Cô Sa, huyện Nậm Pồ                                                  | 1.900.000.000   | 1.647.187.500              | 1.708.000.000 |      | 1.500.000.000 | 208.000.000       | 1.595.485.500    | 1.647.187.500 | 1.500.000.000 | 147.187.500   | Thi công hoàn thành |
| 4  | Nước sinh hoạt bản Nộc Cốc, xã Vàng Đán, huyện Nậm Pồ                                                  | 1.820.000.000   | 1.560.000.000              | 1.560.000.000 |      | 700.000.000   | 860.000.000       | 1.508.409.000    | 1.560.000.000 | 700.000.000   | 860.000.000   | Thi công hoàn thành |
| 5  | Cung cấp nước trụ sở UBND xã, trạm xá, trường Mầm non, xã Pa Tần, huyện Nậm Pồ                         | 1.800.000.000   | 1.462.000.000              | 1.462.000.000 |      |               | 1.462.000.000     | 1.462.000.000    | 1.462.000.000 |               | 1.462.000.000 | Thi công hoàn thành |
| 6  | Nước sinh hoạt bản Nậm chua 3 xã Nà Khoa, xã Nà Khoa (nay là Nậm Nhừ), huyện Nậm Pồ                    | 1.970.000.000   | 1.547.999.150              | 1.548.000.000 |      |               | 1.548.000.000     | 244.000.000      | 1.547.999.150 |               | 1.547.999.150 | Thi công hoàn thành |
| 7  | Nhà lớp học bản Chân Nuôi, xã Nà Khoa, huyện Nậm Pồ                                                    | 1.850.000.000   | 450.175.750                | 1.593.000.000 |      | 1.500.000.000 | 93.000.000        | 175.750          | 450.175.750   | 450.000.000   | 175.150       | Không đầu tư        |
| 8  | Nhà lớp học bản Huổi Hâu, xã Nà Khoa, huyện Nậm Pồ                                                     | 2.000.000.000   | 1.847.143.000              | 1.872.000.000 |      | 1.700.000.000 | 172.000.000       | 1.777.994.000    | 1.847.143.000 | 1.700.000.000 | 147.143.000   | Thi công hoàn thành |
| 9  | Trường Tiểu học Na Cô Sa, xã Na Cô Sa, huyện Nậm Pồ                                                    | 3.000.000.000   | 2.164.711.000              | 2.172.000.000 |      | 2.000.000.000 | 172.000.000       | 2.084.247.000    | 2.164.711.000 | 2.000.000.000 | 164.711.000   | Thi công hoàn thành |
| 10 | Nhà lớp học Pắc A 2, xã Na Cô Sa, huyện Nậm Pồ                                                         | 2.000.000.000   | 1.482.928.000              | 1.758.000.000 |      | 1.500.000.000 | 258.000.000       | 1.411.354.000    | 1.647.187.500 | 1.500.000.000 | 147.187.500   | Đang thi công       |
| 11 | Nhà lớp học Huổi Thùng 2, xã Na Cô Sa, huyện Nậm Pồ                                                    | 2.000.000.000   | 1.406.973.000              | 1.872.000.000 |      | 1.700.000.000 | 172.000.000       | 1.338.106.000    | 1.406.973.000 | 1.234.973.000 | 172.000.000   | Đang thi công       |
| 12 | Nhà lớp học Na Cô Sa 1, xã Na Cô Sa, huyện Nậm Pồ                                                      | 2.000.000.000   | 780.460.000                | 1.872.000.000 |      | 1.700.000.000 | 172.000.000       | 707.865.000      | 780.460.000   | 608.460.000   | 172.000.000   | Đang thi công       |
| 13 | Nhà lớp học bản Trên Nương, xã Nà Bùng, huyện Nậm Pồ                                                   | 2.000.000.000   | 1.475.491.000              | 1.932.000.000 |      | 1.900.000.000 | 32.000.000        | 1.475.491.000    | 1.475.491.000 | 1.443.491.000 | 32.000.000    | Thi công hoàn thành |
| 14 | Nhà lớp học bản Nậm Tát 2, xã Nà Bùng, huyện Nậm Pồ                                                    | 2.000.000.000   | 1.724.606.000              | 1.950.000.000 |      | 1.900.000.000 | 50.000.000        | 1.724.606.000    | 1.724.606.000 | 1.674.606.000 | 50.000.000    | Thi công hoàn thành |
| 15 | Nhà lớp học bản Ngái Thầu 2, xã Nà Bùng, huyện Nậm Pồ                                                  | 2.000.000.000   | 1.792.174.000              | 1.984.000.000 |      | 1.500.000.000 | 484.000.000       | 1.719.973.000    | 1.792.174.000 | 1.500.000.000 | 292.174.000   | Thi công hoàn thành |
| 16 | Nhà lớp học bản Vàng Đán, xã Vàng Đán, huyện Nậm Pồ                                                    | 2.000.000.000   | 1.367.194.000              | 1.758.000.000 |      | 1.500.000.000 | 258.000.000       | 1.299.213.000    | 1.367.194.000 | 1.109.194.000 | 258.000.000   | Thi công hoàn thành |
| 17 | Lớp học bản Nậm Chua 1, xã Nậm Chua, huyện Nậm Pồ (Nay là xã Nậm Nhừ)                                  | 2.000.000.000   | 1.703.826.000              | 1.966.000.000 |      | 1.700.000.000 | 266.000.000       | 1.632.358.000    | 1.703.826.000 | 1.437.826.000 | 266.000.000   | Thi công hoàn thành |
| 18 | Nhà lớp học bản Nậm Chua 3, xã Nậm Chua, huyện Nậm Pồ (Nay là xã Nậm Nhừ)                              | 2.000.000.000   | 1.725.384.000              | 1.997.000.000 |      | 1.700.000.000 | 297.000.000       | 1.681.350.000    | 1.725.384.000 | 1.428.384.000 | 297.000.000   | Thi công hoàn thành |
| 19 | Nhà lớp học Nậm Hải, xã Chà Cang, huyện Nậm Pồ                                                         | 2.000.000.000   | 1.642.988.000              | 1.777.000.000 |      | 1.700.000.000 | 77.000.000        | 1.579.738.000    | 1.642.988.000 | 1.569.601.000 | 73.387.000    | Thi công hoàn thành |
| 20 | Nhà lớp học Huổi Chá, xã Chà Cang, huyện Nậm Pồ                                                        | 2.000.000.000   | 1.734.338.000              | 1.782.000.000 |      | 1.700.000.000 | 82.000.000        | 1.668.535.000    | 1.734.338.000 | 1.657.984.000 | 76.354.000    | Thi công hoàn thành |
| 21 | Nhà lớp học Hô Hải, xã Chà Cang, huyện Nậm Pồ                                                          | 2.000.000.000   | 1.869.878.000              | 1.872.000.000 |      | 1.700.000.000 | 172.000.000       | 1.798.764.000    | 1.869.878.000 | 1.699.924.000 | 169.954.000   | Thi công hoàn thành |
| 22 | Nhà lớp học Vàng Lếch, xã Nậm Tin, huyện Nậm Pồ                                                        | 2.000.000.000   | 1.725.015.000              | 1.872.000.000 |      | 1.700.000.000 | 172.000.000       | 1.725.015.000    | 1.725.015.000 | 1.553.015.000 | 172.000.000   | Thi công hoàn thành |
| 23 | Nhà lớp học Huổi Tang, xã Nậm Tin, huyện Nậm Pồ                                                        | 2.000.000.000   | 1.189.346.000              | 1.802.000.000 |      | 1.200.000.000 | 602.000.000       | 1.120.218.000    | 1.189.346.000 |               | 602.000.000   | Đang thi công       |
| 24 | Nhà lớp học bản Huổi Khương 2, xã Vàng Đán, huyện Nậm Pồ                                               | 2.000.000.000   | 416.623.000                | 1.548.000.000 |      |               | 1.548.000.000     | 116.000.000      | 416.623.000   |               | 416.623.000   | Đang thi công       |
| 25 | Xây dựng nhà nội trú THCS xã Nậm Tin, huyện Nậm Pồ                                                     | 3.000.000.000   | 1.720.000.000              | 1.720.000.000 |      |               | 1.720.000.000     | 1.720.000.000    | 1.720.000.000 |               | 1.720.000.000 | Thi công hoàn thành |
| 26 | Nhà lớp học bản Huổi Po, xã Na Cô Sa, huyện Nậm Pồ                                                     | 2.000.000.000   | 1.290.000.000              | 1.290.000.000 |      |               | 1.290.000.000     | 1.290.000.000    | 1.290.000.000 |               | 1.290.000.000 | Đang thi công       |



|                                                                                     |                                                                                                                                                        |                |                |                |               |                |                |                |               |                |                     |
|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------|----------------|---------------|----------------|----------------|----------------|---------------|----------------|---------------------|
| 27                                                                                  | Nhà lớp học bán Pá Kha, xã Nà Bùng, huyện Nậm Pồ                                                                                                       | 2.000.000.000  | 1.909.612.000  | 1.975.000.000  |               | 1.975.000.000  | 1.837.653.000  | 1.909.612.000  |               | 1.909.612.000  | Đang thi công       |
| <b>B Ban QLDA&amp;PTQĐ huyện làm Chủ đầu tư</b>                                     |                                                                                                                                                        |                |                |                |               |                |                |                |               |                |                     |
| <b>I Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi</b>  |                                                                                                                                                        |                |                |                |               |                |                |                |               |                |                     |
| 28                                                                                  | Trường PTDTBT TH Tân Phong, Pa Tần, huyện Nậm Pồ                                                                                                       | 5.500.000.000  | 3.500.000.000  | 3.500.000.000  |               | 3.500.000.000  | 3.003.635.000  |                |               | 3.500.000.000  | Thi công hoàn thành |
| 29                                                                                  | Trường PTDTBT TH Na Cô Sa, huyện Nậm Pồ                                                                                                                | 5.000.000.000  | 3.000.000.000  | 3.000.000.000  |               | 3.000.000.000  | 2.295.613.000  | 3.000.000.000  |               | 3.000.000.000  | Đang thi công       |
| 30                                                                                  | Trường PTDTBT TH Phìn Hồ, huyện Nậm Pồ                                                                                                                 | 5.000.000.000  | 3.000.000.000  | 3.000.000.000  |               | 3.000.000.000  | 3.000.000.000  | 3.000.000.000  |               | 3.000.000.000  | Đang thi công       |
| 31                                                                                  | Trường PTDTBT TH Nậm Nhừ, huyện Nậm Pồ                                                                                                                 | 3.500.000.000  | 1.500.000.000  | 1.500.000.000  |               | 1.500.000.000  | 1.500.000.000  | 1.500.000.000  |               | 1.500.000.000  | Thi công hoàn thành |
| <b>II Nguồn thu sử dụng đất năm 2024</b>                                            |                                                                                                                                                        |                |                |                |               |                |                |                |               |                |                     |
| 32                                                                                  | Đầu tư xây dựng đường giao thông, hệ thống các hạng mục phụ trợ thuộc tuyến đường quy hoạch 32m (đoạn từ km32+900 đến Km33+500) trung tâm huyện Nậm Pồ | 14.990.000.000 | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 |               | 10.000.000.000 | 13.274.000.000 | 10.000.000.000 |               | 10.000.000.000 | Thi công hoàn thành |
| <b>III Nguồn vốn Ngân sách huyện</b>                                                |                                                                                                                                                        |                |                |                |               |                |                |                |               |                |                     |
| 33                                                                                  | Sửa chữa thủy nông bản Cầu, bản Nà In 1,2 xã Chà Nưa, huyện Nậm Pồ                                                                                     | 3.000.000.000  | 2.860.306.000  | 3.000.000.000  |               | 3.000.000.000  | 2.799.855.000  | 2.860.306.000  |               | 2.860.306.000  | Thi công hoàn thành |
| 34                                                                                  | Sửa chữa trường phổ thông dân tộc bán trú tiểu học Chà Nưa                                                                                             | 2.000.000.000  | 1.960.000.000  | 1.960.000.000  |               | 1.960.000.000  | 1.915.083.000  | 1.960.000.000  |               | 1.960.000.000  | Thi công hoàn thành |
| 35                                                                                  | Sửa chữa trường phổ thông dân tộc bán trú tiểu học Pa Tần                                                                                              | 2.000.000.000  | 1.900.816.000  | 1.993.000.000  |               | 1.993.000.000  | 1.857.966.000  | 1.900.816.000  |               | 1.900.816.000  | Thi công hoàn thành |
| 36                                                                                  | Sửa chữa trường trung học cơ sở xã Chà Nưa                                                                                                             | 2.000.000.000  | 1.951.000.000  | 1.951.000.000  |               | 1.951.000.000  | 1.906.374.000  | 1.951.000.000  |               | 1.951.000.000  | Thi công hoàn thành |
| 37                                                                                  | Sửa chữa trường phổ thông dân tộc bán trú trung học cơ sở Nà Khoa                                                                                      | 2.000.000.000  | 1.891.895.000  | 1.980.000.000  |               | 1.980.000.000  | 1.849.069.000  | 1.891.895.000  |               | 1.891.895.000  | Thi công hoàn thành |
| 38                                                                                  | Sửa chữa trung tâm truyền thanh truyền hình                                                                                                            | 550.000.000    | 483.558.000    | 539.000.000    |               | 539.000.000    | 455.000.000    | 483.558.000    |               | 483.558.000    | Thi công hoàn thành |
| 39                                                                                  | Sửa chữa nước sinh hoạt bản Nà Pầu, xã Chà Tở                                                                                                          | 2.500.000.000  | 1.367.171.000  | 2.500.000.000  |               | 2.500.000.000  | 1.325.302.000  | 1.367.171.000  |               | 1.367.171.000  | Đang thi công       |
| <b>C UBND các xã làm Chủ đầu tư</b>                                                 |                                                                                                                                                        |                |                |                |               |                |                |                |               |                |                     |
| <b>I Chương trình MTQG xây dựng NTM</b>                                             |                                                                                                                                                        |                |                |                |               |                |                |                |               |                |                     |
| 40                                                                                  | Đường bê tông nội bản Pa Cò, xã Chà Nưa                                                                                                                | 2.154.000.000  | 2.091.000.000  | 2.154.000.000  | 1.350.000.000 | 804.000.000    | 2.091.000.000  | 2.091.000.000  | 1.350.000.000 | 741.000.000    | Thi công hoàn thành |
| <b>II Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi</b> |                                                                                                                                                        |                |                |                |               |                |                |                |               |                |                     |
| 41                                                                                  | Nhà văn hóa bản Phi Linh 1,2 xã Si Pa Phìn                                                                                                             | 3.500.000.000  | 3.159.000.000  | 3.395.000.000  | 1.736.000.000 | 1.659.000.000  | 3.159.000.000  | 3.159.000.000  | #####         | 1.423.000.000  | Thi công hoàn thành |
| 42                                                                                  | Nhà văn hóa bản Pú Dao, Chè Nhù, xã Si Pa Phìn                                                                                                         | 3.300.000.000  | 3.028.000.000  | 3.201.000.000  | 1.300.000.000 | 1.901.000.000  | 3.028.000.000  | 3.028.000.000  | 1.300.000.000 | 1.728.000.000  | Thi công hoàn thành |
| 43                                                                                  | Nhà văn hóa bản Nậm Tắt 1, bản Trên Nương, xã Nà Bùng                                                                                                  | 4.800.000.000  | 3.968.000.000  | 4.656.000.000  | 1.900.000.000 | 2.756.000.000  | 3.968.000.000  | 3.968.000.000  | 1.900.000.000 | 2.068.000.000  | Thi công hoàn thành |
| 44                                                                                  | Nhà văn hóa bản Nà Bùng 2,3 xã Nà Bùng                                                                                                                 | 4.300.000.000  | 1.160.538.000  | 2.000.000.000  |               | 2.000.000.000  | 1.160.538.000  | 1.160.538.000  |               | 1.160.538.000  | Đang thi công       |
| 45                                                                                  | Nhà văn hóa bản Ngải Thầu 1,2, xã Nà Bùng                                                                                                              | 4.750.000.000  | 2.000.000.000  | 2.000.000.000  |               | 2.000.000.000  | 2.000.000.000  | 2.000.000.000  |               | 2.000.000.000  | Đang thi công       |
| 46                                                                                  | Nhà văn hóa bản Na Cô Sa 1, 2, Pắc A2 xã Na Cô Sa                                                                                                      | 4.995.000.000  | 1.232.000.000  | 2.609.000.000  | 1.900.000.000 | 709.000.000    | 1.232.000.000  | 1.232.000.000  | 1.191.000.000 | 41.000.000     | Đang thi công       |
| 47                                                                                  | Nhà văn hóa bản Nậm Khăn, Nậm Pang xã Nậm Khăn                                                                                                         | 4.100.000.000  | 1.941.000.000  | 2.043.000.000  | 1.600.000.000 | 443.000.000    | 1.941.000.000  | 1.941.000.000  | 1.157.000.000 | 784.000.000    | Đang thi công       |
| 48                                                                                  | Nhà văn hóa bản Huổi Văng, Huổi Lông, xã Nậm Khăn                                                                                                      | 3.300.000.000  | 1.043.000.000  | 1.324.000.000  | 1.300.000.000 | 24.000.000     | 1.040.000.000  | 1.040.000.000  | 1.016.000.000 | 24.000.000     | Đang thi công       |
| 49                                                                                  | Nhà văn hóa bản Nậm Nhừ 3, Huổi Lự 3, xã Nậm Nhừ                                                                                                       | 4.500.000.000  | 3.772.000.000  | 4.365.000.000  | 1.800.000.000 | 2.565.000.000  | 3.772.000.000  | 3.772.000.000  | 1.800.000.000 | 1.972.000.000  | Thi công hoàn thành |
| 50                                                                                  | Nhà văn hóa Bản Nậm Chua 1,3, xã Nậm Nhừ                                                                                                               | 4.800.000.000  | 4.256.000.000  | 4.656.000.000  | 1.900.000.000 | 2.756.000.000  | 4.256.000.000  | 4.256.000.000  | 1.183.000.000 | 3.073.000.000  | Thi công hoàn thành |
| 51                                                                                  | Nhà văn hóa bản Nậm Chua 2, Nậm Ngà I, Nậm Chua 5, xã Nậm Chua                                                                                         | 4.900.000.000  | 2.000.000.000  | 2.000.000.000  |               | 2.000.000.000  | 2.000.000.000  | 2.000.000.000  |               | 2.000.000.000  | Thi công hoàn thành |
| 52                                                                                  | Nhà văn hóa bản Huổi Dao, xã Vàng Đán                                                                                                                  | 2.500.000.000  | 720.829.000    | 1.000.000.000  |               | 1.000.000.000  | 720.829.000    | 720.829.000    |               | 720.829.000    | Đang thi công       |
| 53                                                                                  | Nhà văn hóa bản Vàng Đán, Nộc Cốc 2, xã Vàng Đán                                                                                                       | 4.000.000.000  | 2.000.000.000  | 2.000.000.000  |               | 2.000.000.000  | 2.000.000.000  | 2.000.000.000  |               | 2.000.000.000  | Đang thi công       |



|    |                                              |                        |                        |                        |  |                       |                       |                        |                        |  |                       |                       |                     |
|----|----------------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|--|-----------------------|-----------------------|------------------------|------------------------|--|-----------------------|-----------------------|---------------------|
| 54 | Nhà văn hoá bản Nà Lìn, Năm Địch, xã Chả Nưa | 4.500.000.000          | 2.000.000.000          | 2.000.000.000          |  |                       | 2.000.000.000         | 2.000.000.000          | 2.000.000.000          |  |                       | 2.000.000.000         | Thi công hoàn thành |
|    | <b>Tổng cộng:</b>                            | <b>171.879.000.000</b> | <b>111.812.469.400</b> | <b>125.574.000.000</b> |  | <b>46.786.000.000</b> | <b>78.788.000.000</b> | <b>110.069.118.250</b> | <b>108.473.728.900</b> |  | <b>38.790.458.000</b> | <b>72.595.924.300</b> |                     |





**PHỤ BIỂU SỐ 02**

**TỔNG HỢP SAI PHẠM TẠI CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN NẬM PỒ GIAI ĐOẠN 2022-2024**

*(Kèm theo Kết luận thanh tra số 211/KL-TTr ngày 18/3/2025 của Thanh tra tỉnh Điện Biên)*

ĐVT: Đồng

| STT       | Dự án đầu tư xây dựng                                                                                 | Tổng giá trị sai phạm | Giá trị sai phạm xử lý |                    | Nội dung sai phạm                 |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|------------------------|--------------------|-----------------------------------|
|           |                                                                                                       |                       | Thu hồi                | Giảm trừ           |                                   |
| <b>I</b>  | <b>UBND huyện làm Chủ đầu tư</b>                                                                      | <b>-223.546.539</b>   | <b>-220.834.553</b>    | <b>-2.711.987</b>  |                                   |
| 1         | Nước sinh hoạt bản Nậm chua 3 xã Nà Khoa, xã Nà Khoa (nay là Nậm Nhừ), huyện Nậm Pồ (chi phí xây lắp) | -10.678.000           | -10.678.000            |                    | Dự toán tính sai khối lượng       |
| 2         | Nhà lớp học bản Huổi Hâu, xã Nà Khoa, huyện Nậm Pồ (chi phí xây lắp)                                  | -33.636.000           | -33.636.000            |                    | Dự toán tính sai khối lượng       |
| 3         | Trường Tiểu học Na Cô Sa, xã Na Cô Sa, huyện Nậm Pồ (chi phí xây lắp)                                 | -9.453.409            | -9.453.409             |                    | Dự toán tính sai khối lượng       |
| 4         | Nhà lớp học Pắc A 2, xã Na Cô Sa, huyện Nậm Pồ (chi phí xây lắp)                                      | -30.887.000           | -30.887.000            |                    | Dự toán tính sai khối lượng       |
| 5         | Nhà lớp học Huổi Thủng 2, xã Na Cô Sa, huyện Nậm Pồ (chi phí xây lắp)                                 | -7.994.000            | -7.994.000             |                    | Dự toán tính sai khối lượng       |
| 6         | Nhà lớp học Na Cô Sa 1, xã Na Cô Sa, huyện Nậm Pồ (chi phí xây lắp)                                   | -5.356.000            | -5.356.000             |                    | Dự toán tính sai khối lượng       |
| 7         | Nhà lớp học bản Trên Nương, xã Nà Búng, huyện Nậm Pồ (chi phí xây lắp)                                | -6.870.000            | -6.870.000             |                    | Dự toán tính sai khối lượng       |
| 8         | Nhà lớp học bản Nậm Tắt 2, xã Nà Búng, huyện Nậm Pồ (chi phí xây lắp)                                 | -6.880.000            | -6.880.000             |                    | Dự toán tính sai khối lượng       |
| 9         | Nhà lớp học bản Ngải Thầu 2, xã Nà Búng, huyện Nậm Pồ (chi phí xây lắp)                               | -20.796.000           | -20.796.000            |                    | Dự toán tính sai khối lượng       |
| 10        | Nhà lớp học bản Vàng Đán, xã Vàng Đán, huyện Nậm Pồ (chi phí xây lắp)                                 | -9.285.000            | -9.285.000             |                    | Dự toán tính sai khối lượng       |
| 11        | Lớp học bản Nậm Chua 1, xã Nậm Chua, huyện Nậm Pồ (chi phí xây lắp)                                   | -4.144.000            | -4.144.000             |                    | Dự toán tính sai khối lượng       |
| 12        | Nhà lớp học bản Nậm Chua 3, xã Nậm Nhừ, huyện Nậm Pồ (chi phí xây lắp)                                | -3.862.000            | -3.862.000             |                    | Dự toán tính sai khối lượng       |
| 13        | Nhà lớp học Nậm Hải, xã Chà Cang, huyện Nậm Pồ (chi phí xây lắp)                                      | -9.763.000            | -9.763.000             |                    | Dự toán tính sai khối lượng       |
| 14        | Nhà lớp học Huổi Chá, xã Chà Cang, huyện Nậm Pồ (chi phí xây lắp)                                     | -2.759.000            | -2.759.000             |                    | Dự toán tính sai khối lượng       |
| 15        | Nhà lớp học Hô Hải, xã Chà Cang, huyện Nậm Pồ (chi phí xây lắp)                                       | -16.138.000           | -16.138.000            |                    | Dự toán tính sai khối lượng       |
| 16        | Nhà lớp học Vàng Lếch, xã Nậm Tin, huyện Nậm Pồ (chi phí xây lắp)                                     | -6.594.000            | -6.594.000             |                    | Dự toán tính sai khối lượng       |
| 17        | Nhà lớp học bản Huổi Khương 2, xã Vàng Đán, huyện Nậm Pồ (chi phí xây lắp)                            | -2.711.987            |                        | -2.711.987         | Dự toán tính sai khối lượng       |
| 18        | Xây dựng nhà nội trú THCS xã Nậm Tin, huyện Nậm Pồ (chi phí xây lắp)                                  | -14.361.144           | -14.361.144            |                    | Dự toán tính sai khối lượng       |
| 19        | Nhà lớp học bản Huổi Po, xã Na Cô Sa, huyện Nậm Pồ (chi phí xây lắp)                                  | -8.262.000            | -8.262.000             |                    | Dự toán tính sai khối lượng       |
| 20        | Nhà lớp học bản Pá Kha, xã Nà Búng, huyện Nậm Pồ (chi phí xây lắp)                                    | -13.116.000           | -13.116.000            |                    | Dự toán tính sai khối lượng       |
| <b>II</b> | <b>Ban QLDA&amp;PTQĐ huyện làm Chủ đầu tư</b>                                                         | <b>-153.967.707</b>   | <b>-141.898.000</b>    | <b>-12.069.707</b> |                                   |
| 21        | Trường PTDTBT TH Phìn Hồ, huyện Nậm Pồ                                                                |                       |                        |                    |                                   |
|           | - Chi phí xây lắp                                                                                     | -12.069.707           |                        | -12.069.707        | Dự toán tính sai khối lượng       |
|           | - Chi phí tư vấn khảo sát lập BC KTKT                                                                 | -7.922.000            | -7.922.000             |                    | Dự toán tính sai đơn giá khảo sát |
| 22        | Trường PTDTBT TH Tân Phong, Pa Tần, huyện Nậm Pồ (chi phí tư vấn khảo sát lập BC KTKT)                | -7.922.000            | -7.922.000             |                    | Dự toán tính sai đơn giá khảo sát |



|            |                                                                                     |                     |                     |                    |                                   |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------|--------------------|-----------------------------------|
| 23         | Trường PTDTBT TH Na Cô Sa, huyện Nậm Pồ (chi phí tư vấn khảo sát lập BC KTKT)       | -7.922.000          | -7.922.000          |                    | Dự toán tính sai đơn giá khảo sát |
| 24         | Sửa chữa trường phổ thông dân tộc bán trú tiểu học Chà Nưa (chi phí xây lắp)        | -10.758.000         | -10.758.000         |                    | Dự toán tính sai khối lượng       |
| 25         | Sửa chữa trường phổ thông dân tộc bán trú tiểu học Pa Tần (chi phí xây lắp)         | -85.703.000         | -85.703.000         |                    | Dự toán tính sai khối lượng       |
| 26         | Sửa chữa trường phổ thông dân tộc bán trú trung học cơ sở Nà Khoa (chi phí xây lắp) | -10.797.000         | -10.797.000         |                    | Dự toán tính sai khối lượng       |
| 27         | Sửa chữa nước sinh hoạt bản Nà Pầu, xã Chà Tở (chi phí xây lắp)                     | -10.874.000         | -10.874.000         |                    | Dự toán tính sai khối lượng       |
| <b>III</b> | <b>UBND các xã làm Chủ đầu tư</b>                                                   | <b>-130.047.884</b> | <b>-98.628.111</b>  | <b>-31.419.773</b> |                                   |
| 28         | Đường bê tông nội bản Pa Có, xã Chà Nưa (chi phí xây lắp)                           | -19.595.000         | -19.595.000         |                    | Dự toán tính sai khối lượng       |
| 29         | Nhà văn hoá bản Phi Lĩnh 1,2 xã Si Pa Phìn (chi phí xây lắp)                        | -15.350.000         | -15.350.000         |                    | Dự toán tính sai khối lượng       |
| 30         | Nhà văn hoá bản Pú Dao, Chế Nhù, xã Si Pa Phìn (chi phí xây lắp)                    | -10.731.000         | -10.731.000         |                    | Dự toán tính sai khối lượng       |
| 31         | Nhà văn hóa bản Nậm Tất 1, bản Trên Nương, xã Nà Bùng (chi phí xây lắp)             | -14.455.000         | -14.455.000         |                    | Dự toán tính sai khối lượng       |
| 32         | Nhà văn hóa Bản Nậm Chua 1,3, xã Nậm Nhù (chi phí xây lắp)                          | -12.099.000         | -12.099.000         |                    | Dự toán tính sai khối lượng       |
| 33         | Nhà văn hóa bản Huổi Đạo, xã Vàng Đán (chi phí xây lắp)                             | -18.250.490         |                     | -18.250.490        | Dự toán tính sai khối lượng       |
| 34         | Nhà văn hóa bản Vàng Đán, Nộc Cốc 2, xã Vàng Đán (chi phí xây lắp)                  | -16.401.458         | -16.401.458         |                    | Dự toán tính sai khối lượng       |
| 35         | Nhà văn hóa bản Ngải Thầu 1,2, xã Nà Bùng (chi phí xây lắp)                         | -13.169.283         |                     | -13.169.283        | Dự toán tính sai khối lượng       |
| 36         | Nhà văn hoá bản Nà Ín, Nậm Dích, xã Chà Nưa (chi phí xây lắp)                       | -9.996.653          | -9.996.653          |                    | Dự toán tính sai khối lượng       |
|            | <b>Tổng cộng:</b>                                                                   | <b>-507.562.131</b> | <b>-461.360.664</b> | <b>-46.201.467</b> |                                   |



**PHỤ BIỂU SỐ 03**  
**TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM**  
*(Kèm theo Kết luận thanh tra số 211/KL-TTr ngày 18/3/2025 của Thanh tra tỉnh Điện Biên)*

| STT       | Tên tổ chức/cá nhân vi phạm                                                    | Nội dung vi phạm                                                                                                      | Kiến nghị xử lý trách nhiệm |                              |                                        |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------|----------------------------------------|
|           |                                                                                |                                                                                                                       | Hành<br>chính               | Chuyên<br>cơ quan<br>công an | Chuyên<br>cơ quan<br>chức năng<br>khác |
| <b>I</b>  | <b>UBND huyện Nậm Pồ</b>                                                       |                                                                                                                       |                             |                              |                                        |
| 1         | Bùi Văn Luyện - Nguyên Chủ tịch UBND huyện                                     | Chịu trách nhiệm người đứng đầu về những tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý các dự án đầu tư xây dựng            | x                           |                              |                                        |
| 2         | Lý Thanh Tiềm - Nguyên Chủ tịch UBND huyện                                     | Chịu trách nhiệm người đứng đầu về những tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý các dự án đầu tư xây dựng            | x                           |                              |                                        |
| 3         | Cao Xuân Hùng, Phó giám đốc phụ trách Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất. | Chịu trách nhiệm về những tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý các dự án đầu tư xây dựng                           | x                           |                              |                                        |
| <b>II</b> | <b>UBND các xã</b>                                                             |                                                                                                                       |                             |                              |                                        |
| 1         | Ông Thùng Văn Ánh - Chủ tịch UBND xã Chà Nưa                                   | Chịu trách nhiệm về những tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý các dự án đầu tư xây dựng do UBND xã làm chủ đầu tư | x                           |                              |                                        |
| 2         | Ông Cháng A Dè - Chủ tịch UBND xã Nà Bùng                                      | Chịu trách nhiệm về những tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý các dự án đầu tư xây dựng do UBND xã làm chủ đầu tư | x                           |                              |                                        |
| 3         | Ông Vàng Văn Chuyển - Chủ tịch UBND xã Na Co Sa                                | Chịu trách nhiệm về những tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý các dự án đầu tư xây dựng do UBND xã làm chủ đầu tư | x                           |                              |                                        |
| 4         | Ông Thảo A Khai - Chủ tịch UBND xã Nậm Chua                                    | Chịu trách nhiệm về những tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý các dự án đầu tư xây dựng do UBND xã làm chủ đầu tư | x                           |                              |                                        |
| 5         | Ông Lùng Văn Tự - Chủ tịch UBND xã Nậm Khăn                                    | Chịu trách nhiệm về những tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý các dự án đầu tư xây dựng do UBND xã làm chủ đầu tư | x                           |                              |                                        |
| 6         | Ông Giàng A Khai - Chủ tịch UBND xã Nậm Nhừ                                    | Chịu trách nhiệm về những tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý các dự án đầu tư xây dựng do UBND xã làm chủ đầu tư | x                           |                              |                                        |



|   |                                             |                                                                                                                       |   |  |  |
|---|---------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|--|
| 7 | Ông Mùa A Hoà - Chủ tịch UBND xã Si Pa Phìn | Chịu trách nhiệm về những tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý các dự án đầu tư xây dựng do UBND xã làm chủ đầu tư | x |  |  |
| 8 | Ông Chảo A Páo - Chủ tịch UBND xã Vàng Đán  | Chịu trách nhiệm về những tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý các dự án đầu tư xây dựng do UBND xã làm chủ đầu tư | x |  |  |